

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 203/2012/TT-BTC

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2012

## **THÔNG TƯ**

### **Về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán**

*Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp kiểm toán).

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

#### **Điều 3. Đối tượng được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán**

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được cấp cho công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 21 Luật kiểm toán độc lập và các quy định tại Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi

hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập (dưới đây gọi tắt là Nghị định 17/2012/NĐ-CP). Đối với công ty kiểm toán TNHH một thành viên có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật kiểm toán độc lập không áp dụng điều kiện về mức vốn góp của kiểm toán viên hành nghề quy định tại Khoản 1 Điều 7 và vốn góp của tổ chức quy định tại Điều 6 Nghị định 17/2012/NĐ-CP trừ khi công ty cơ cấu lại tổ chức thành công ty TNHH 2 thành viên trở lên.

#### **Điều 4. Nguyên tắc lập hồ sơ**

1. Các bản sao giấy tờ, văn bản phải được chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được làm bằng tiếng Việt. Các giấy tờ kèm theo đơn đề nghị bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hoặc công chứng, chứng thực ở nước ngoài phải được hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hoá lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

4. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ gửi Bộ Tài chính.

5. Tổ chức, cá nhân trực tiếp xác nhận vốn cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số vốn tại thời điểm xác nhận.

### **Chương II**

#### **HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN**

**Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (theo mẫu quy định tại Phụ lục I).

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

3. Danh sách kiểm toán viên hành nghề có hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp (theo mẫu quy định tại Phụ lục III).

4. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của các kiểm toán viên hành nghề.

5. Bản sao Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng Giám đốc) đối với công ty TNHH, công ty hợp danh.

6. Bản sao Điều lệ công ty.

7. Danh sách các tổ chức, cá nhân góp vốn, danh sách thành viên hợp danh (theo mẫu quy định tại phụ lục IV), trong đó phải thể hiện rõ các nội dung sau:

a) Họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch; Số và ngày cấp, nơi cấp giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cá nhân; Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán (đối với các cá nhân là kiểm toán viên hành nghề);

b) Tên, địa chỉ đặt trụ sở, số và ngày quyết định thành lập (hoặc đăng ký kinh doanh) đối với tổ chức; Họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp giấy chứng minh nhân dân, hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán đối với cá nhân được cử là người đại diện phần vốn góp của tổ chức;

c) Số vốn góp theo đăng ký, giá trị vốn đã thực góp, tỷ lệ sở hữu, thời hạn góp vốn.

8. Văn bản xác nhận về vốn đối với công ty TNHH, cụ thể như sau:

a) Đối với doanh nghiệp thành lập mới phải có:

- Biên bản góp vốn của các thành viên sáng lập;

- Trường hợp số vốn được góp bằng tiền thì phải có văn bản xác nhận của ngân hàng thương mại được phép hoạt động tại Việt Nam về số tiền ký quỹ của các thành viên sáng lập. Số tiền ký quỹ tối thiểu phải bằng số vốn góp bằng tiền của các thành viên sáng lập và chỉ được giải ngân sau khi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

- Trường hợp số vốn góp bằng tài sản thì phải có chứng thư của tổ chức có chức năng thẩm định giá đang hoạt động tại Việt Nam về kết quả thẩm định giá tài sản được đưa vào góp vốn. Chứng thư phải còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

b) Đối với doanh nghiệp đang hoạt động phải có văn bản xác nhận của doanh nghiệp kiểm toán độc lập khác về mức vốn hiện có thuộc sở hữu của doanh nghiệp đó được ghi trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất (năm đăng ký hoặc năm trước liền kề năm đăng ký).

**Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam**

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (theo mẫu quy định tại Phụ lục II).

2. Bản sao giấy phép cung cấp dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài (hoặc văn bản tương đương) theo quy định của pháp luật của nước nơi doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài đặt trụ sở chính.

3. Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài.

4. Văn bản của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài gửi Bộ Tài chính bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam.

5. Danh sách kiểm toán viên hành nghề có hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam.

6. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của các kiểm toán viên hành nghề.

7. Quyết định của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài về việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng Giám đốc) chi nhánh.

8. Văn bản xác nhận của doanh nghiệp kiểm toán độc lập khác về mức vốn hiện có thuộc sở hữu của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài được ghi trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất (năm đăng ký hoặc năm trước liền kề năm đăng ký).

9. Tài liệu chứng minh về việc doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài cấp vốn cho chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam.

#### **Điều 7. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán**

1. Tổ chức đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán gửi một bộ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này tới Bộ Tài chính.

2. Trong thời gian quy định tại Khoản 1 Điều 23, Khoản 3 Điều 24 Luật kiểm toán độc lập, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu không có yêu cầu bổ sung hoặc giải trình thì Bộ Tài chính xem xét để cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; Trường hợp từ chối Bộ Tài chính phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán chưa hợp lệ thì trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo cho tổ chức đề nghị cấp.

cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán để hoàn chỉnh hồ sơ.

4. Khi nhận được văn bản yêu cầu hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải bổ sung, sửa đổi theo thông báo và gửi về Bộ Tài chính. Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, sửa đổi, nếu Bộ Tài chính không có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì xem xét cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian quy định tại Khoản 1 Điều 23, Khoản 3 Điều 24 Luật kiểm toán độc lập.

5. Trường hợp tổ chức đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đã bổ sung, sửa đổi hồ sơ nhưng không đúng với yêu cầu, Bộ Tài chính sẽ thông báo cho tổ chức đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán để tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này.

#### **Điều 8. Nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán**

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán bao gồm các thông tin chính sau đây:

a) Tên doanh nghiệp kiểm toán; Tên doanh nghiệp kiểm toán bằng tiếng nước ngoài (nếu có); Tên viết tắt (nếu có); Địa chỉ trụ sở chính;

b) Họ và tên người đại diện theo pháp luật và họ và tên Giám đốc (Tổng Giám đốc) của doanh nghiệp kiểm toán (nếu không phải là người đại diện theo pháp luật);

c) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

d) Số, ngày cấp và tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;

đ) Các điều khoản, điều kiện doanh nghiệp kiểm toán phải tuân thủ khi sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

2. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán quy định tại Phụ lục V Thông tư này.

#### **Điều 9. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán**

1. Doanh nghiệp kiểm toán phải làm thủ tục đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi có sự thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư này.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ kiểm toán bao gồm:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (theo mẫu quy định tại Phụ lục VI);

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đã được cấp lần gần nhất;

c) Báo cáo mô tả chi tiết nội dung đề nghị điều chỉnh và các tài liệu có liên quan đến thông tin điều chỉnh.

### **Điều 10. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán**

1. Doanh nghiệp kiểm toán đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được đề nghị cấp lại trong các trường hợp sau:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán bị mất hoặc bị hư hỏng;

b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu.

2. Doanh nghiệp kiểm toán phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hư hỏng hoặc hoàn thành việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (theo mẫu quy định tại Phụ lục VII);

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đã được cấp, trừ trường hợp bị mất;

c) Tài liệu có liên quan khác.

4. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này.

### **Điều 11. Nộp lệ phí**

1. Tô chức đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải nộp lệ phí ngay khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

2. Mức lệ phí, việc quản lý, sử dụng lệ phí cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

## **Điều 12. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán**

1. Doanh nghiệp kiểm toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật kiểm toán độc lập.

2. Doanh nghiệp kiểm toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán kể từ ngày có quyết định đình chỉ.

3. Bộ Tài chính công bố quyết định đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày có quyết định đình chỉ.

## **Điều 13. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán**

1. Doanh nghiệp kiểm toán bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật kiểm toán độc lập.

2. Doanh nghiệp kiểm toán bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ kiểm toán kể từ ngày có quyết định thu hồi.

3. Bộ Tài chính công bố quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.

4. Doanh nghiệp kiểm toán phải nộp trả Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.

## **Điều 14. Tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán**

1. Doanh nghiệp kiểm toán muốn tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải gửi thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán (theo mẫu quy định tại Phụ lục XI) đến Bộ Tài chính ít nhất 15 ngày trước ngày dự định tạm ngừng kinh doanh.

2. Danh sách doanh nghiệp kiểm toán tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán được công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

3. Khi hoạt động trở lại, doanh nghiệp kiểm toán phải bảo đảm điều kiện theo quy định của pháp luật và phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm nhất là 10 ngày trước ngày hoạt động trở lại.

## **Điều 15. Chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán**

1. Doanh nghiệp kiểm toán dự định chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán đến Bộ Tài chính.

2. Hồ sơ đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

b) Báo cáo về các hợp đồng kiểm toán và các hợp đồng cung cấp dịch vụ khác quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 40 Luật kiểm toán độc lập chưa hoàn thành;

c) Biện pháp và cam kết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng và các bên có liên quan;

d) Phương án và biện pháp xử lý đối với các hợp đồng kiểm toán và các dịch vụ khác chưa hoàn thành (nếu có).

3. Doanh nghiệp kiểm toán có trách nhiệm thông báo cho khách hàng (đơn vị được kiểm toán) và các bên có liên quan, công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về việc chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán ít nhất 30 ngày trước khi chính thức chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

4. Thông báo chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán nêu tại Khoản 1 Điều này phải bao gồm các thông tin sau:

a) Thời gian bắt đầu chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán, lý do chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

b) Biện pháp và cam kết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng và các bên có liên quan.

### **Điều 16. Chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán**

1. Chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán chỉ được kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 31 Luật kiểm toán độc lập.

2. Doanh nghiệp kiểm toán đăng ký cho chi nhánh được kinh doanh dịch vụ kiểm toán gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ Tài chính. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán (theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII);

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của các kiểm toán viên hành nghề làm việc tại chi nhánh;

d) Quyết định bổ nhiệm Giám đốc chi nhánh.



3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản trả lời về việc chấp thuận cho từng chi nhánh. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tài chính phải nêu rõ lý do.

4. Chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán không bảo đảm điều kiện quy định tại Điều 31 Luật kiểm toán độc lập sau ba tháng liên tục thì bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

5. Trường hợp doanh nghiệp kiểm toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán thì các chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán đó cũng bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

6. Chi nhánh bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ kiểm toán kể từ ngày có quyết định đình chỉ.

### **Điều 17. Trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán**

1. Duy trì và đảm bảo các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong suốt thời gian hoạt động.

2. Không sửa chữa, tẩy xóa nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

3. Không cho thuê, cho mượn, cầm cố, mua bán, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

4. Báo cáo Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bị mất, bị hư hỏng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

5. Thông báo bằng văn bản (kèm theo tài liệu chứng minh) cho Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi về những nội dung quy định tại Điều 26 Luật kiểm toán độc lập.

6. Chịu sự kiểm tra, thanh tra và chấp hành quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc đảm bảo điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và việc sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

7. Định kỳ hàng năm trước ngày 31/10, hoặc khi có yêu cầu, doanh nghiệp kiểm toán phải báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII) cho Bộ Tài chính kèm theo những tài liệu quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này có thay đổi so với lần nộp gần nhất.

8. Hàng năm, doanh nghiệp kiểm toán có trách nhiệm gửi Báo cáo tình hình hoạt động năm (theo mẫu quy định tại Phụ lục IX) và báo cáo tài chính năm trước liền kề cho Bộ Tài chính. Thời hạn gửi báo cáo tình hình hoạt động năm chậm nhất là ngày 10/4 năm sau. Thời hạn gửi báo cáo tài chính chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

### **Điều 18. Công khai thông tin về doanh nghiệp kiểm toán**

1. Bộ Tài chính công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính:

a) Danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán;

b) Danh sách các doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán, bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc bị cảnh báo về điều kiện kinh doanh trong thời gian doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh của doanh nghiệp kiểm toán không đảm bảo điều kiện hoạt động dịch vụ kiểm toán theo quy định;

c) Danh sách các doanh nghiệp kiểm toán tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán, chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán, doanh nghiệp kiểm toán phải công bố nội dung của Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 8 Thông tư này trên một trong các tờ báo viết hoặc báo điện tử trong 03 số liên tiếp.

### **Chương III** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 19. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2013.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *KT*

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát NDTC, Toà án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Hội Kế toán và kiểm toán Việt Nam;
- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam;
- Các doanh nghiệp kiểm toán;
- Công báo; VP Ban chỉ đạo TW về PC tham nhũng;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CĐKT.

  
**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**  
*[Handwritten signature]*  
**Trần Xuân Hà**